

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-7-2024
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thế Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Kim Lý.
- Bà Nguyễn Thị Thắm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 402/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm N, sinh năm 1997.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 1, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh A; tạm trú: Nhà trọ N, Tổ 3, ấp A, xã A, thành phố B, tỉnh B; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Triệu Văn T, sinh năm 1990.

Hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh C; tạm trú: Nhà trọ A, Tổ 4B, ấp A, xã P, thành phố B, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Diễm N trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu, bà Nguyễn Thị Diễm N và ông Triệu Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân. Bà N và ông T có đăng ký kết hôn vào ngày 23/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc.

Thời gian gần đây, giữa bà N và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà N xác định không còn tình cảm với ông T. Hiện tại, bà N và ông T không còn sống chung với nhau. Bà N nhận thấy

tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diễm N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Triệu Văn T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Diễm N và ông Triệu Văn T có 01 con chung tên Triệu Phú Q, sinh ngày 11/7/2017. Bà Nguyễn Thị Diễm N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu ông Triệu Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Diễm N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Triệu Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diễm N được ly hôn ông Triệu Văn T.

Về con chung: Giao con chung tên Triệu Phú Q, sinh ngày 11/7/2017 cho bà Nguyễn Thị Diễm N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Triệu Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Diễm N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Diễm N yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với ông Triệu Văn T, đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông Triệu Văn T đang cư trú tại nhà trọ A, Tổ 4B, ấp A, xã P, thành phố B, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Triệu Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Bà Nguyễn Thị Diễm N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diễm N và ông Triệu Văn T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Bà Nguyễn Thị Diễm N cho rằng mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn, vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà N xác định không còn tình cảm với ông T và vợ chồng không còn sống chung với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ ông T tham gia tố tụng nhưng ông T luôn vắng mặt, điều đó cho thấy ông T cũng không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm với bà N. Tại biên bản xác minh thể hiện mâu thuẫn cụ thể giữa bà N và ông T thì chính quyền địa phương không rõ. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà N và ông T không tìm ra được tiếng nói chung, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Diễm N và ông Triệu Văn T có 01 con chung tên Triệu Phú Q, sinh ngày 11/7/2017. Hiện tại, cháu Quý đang sống cùng với bà N. Do đó, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Diễm N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diễm N là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Diễm N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Diễm N đối với ông Triệu Văn T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diễm N được ly hôn với ông Triệu Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Triệu Phú Q, sinh ngày 11/7/2017 cho bà Nguyễn Thị Diễm N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông Triệu Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Diễm N và ông Triệu Văn T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Diễm N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Diễm N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001024 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thế Chính